

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-7-2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồ Cảnh

Bà Hoàng Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996;

Địa chỉ cư trú: Xóm A, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn X, sinh năm 1987;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm H (nay là xóm Y), xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An;

Hiện đang cư trú tại: Đài Loan; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn Chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Phạm Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 12 năm 2016, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ

An. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với gia đình chồng tại Xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, do suy nghĩ và lối sống của vợ chồng khác nhau. Dẫn đến vợ chồng bất hòa và không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 6/2019 anh X đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan. Từ đó trở đi anh X ít liên lạc và quan tâm đến vợ, con nên tình cảm vợ chồng dần mất đi. Hiện tại, chị xác định không còn tình cảm với anh X nữa nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn X.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Huy B, sinh ngày 02/11/2018. Hiện con chung đang ở với chị và được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến lúc trưởng thành và không yêu cầu anh Phạm Văn X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn X, hiện đang ở ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng qua thân nhân của anh Phạm Văn X là ông Phạm Ngọc N và bà Nguyễn Thị Nh (bố, mẹ đẻ của anh X) đến lần thứ hai mà thân nhân của anh X cũng không cung cấp địa chỉ của anh X ở nước ngoài cho Tòa án biết. Đồng thời cho đến nay, anh X cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ và xét xử vụ án vắng mặt các đương sự bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ông Phạm Ngọc Ninh và bà Nguyễn Thị Nh là bố, mẹ đẻ của anh X cho biết: Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án thì ông, bà đã thông tin cho anh X biết việc Chị H nộp đơn ly hôn anh tại Tòa án; anh X không đồng ý ly hôn nhưng không có văn bản trình bày ý kiến để Tòa án xem xét, anh X cũng không nói rõ địa chỉ cư trú cho ông, bà biết nên ông bà không thể cung cấp được địa chỉ của anh X ở nước ngoài cho Tòa án được. Việc anh Phạm Văn X vắng mặt được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thị H, cho Chị H được ly hôn với anh Phạm Văn X. Về con chung: Đề

ngiht giao cho Chđ Nguyễn Thđ H đượ quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Huy B, sinh ngày 02/11/2018 đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chđ H không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chđ H không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung nhưng Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Chđ Nguyễn Thđ H có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chđ đượ ly hôn với anh Phạm Văn X hiện cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, anh Phạm Văn X có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải đượ vì bị đơn anh Phạm Văn X không thể tham gia hòa giải đượ do vắng mặt tại nơi cư trú và hiện đang ở nước ngoài. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Phạm Văn X vẫn cố tình vắng mặt; về phía nguyên đơn chđ Nguyễn Thđ H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Chđ Nguyễn Thđ H đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, viết bản tự khai và cung cấp đầy đủ chứng cứ, tài liệu cho Tòa án nhưng do dịch bệnh Covid 19 hạn chế đi lại và cũng do bận công việc nên Chđ H không tham gia phiên tòa đượ và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chđ H phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các tài liệu và chứng cứ mà chđ đã cung cấp cho Tòa án. Anh Phạm Văn X hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh X thông qua người thân là ông Phạm Ngọc N và bà Nguyễn Thđ Nh (bố, mẹ đẻ của anh X) gồm các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn “Yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh X”; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Đồng thời, yêu cầu anh X trình bày ý kiến của mình về việc Chđ

H có đơn xin ly hôn. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh X cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh X cho Tòa án biết. Tòa án đã tiến hành xác minh qua thân nhân của anh X thì được ông Phạm Ngọc N và bà Nguyễn Thị Nh cung cấp: Anh Phạm Văn X là con đẻ của ông bà, anh X đi lao động ở Đài Loan từ tháng 6/2019 và thường xuyên liên lạc về gia đình qua mạng Facebook nhưng không nói rõ địa chỉ cư trú nên ông, bà không thể cung cấp được địa chỉ của anh X ở nước ngoài cho Tòa án được. Về phía ông, bà đã nhận được các văn bản của Tòa án và đã thông tin cho anh X biết việc Chị H nộp đơn ly hôn anh tại Tòa án, anh X không đồng ý ly hôn và đề nghị khi nào anh X về nước mới giải quyết. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 11/6/2021, lần thứ hai vào ngày 09/7/2021, nhưng cả hai lần anh Phạm Văn X đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, việc anh Phạm Văn X vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ; từ chối khai báo theo quy định tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn X kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An vào ngày 28 tháng 12 năm 2016, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với gia đình anh X tại Xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, do suy nghĩ và lối sống của vợ chồng khác nhau. Dẫn đến vợ chồng bất hòa và không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 6/2019 anh X đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan. Từ đó trở đi anh X ít liên lạc và quan tâm đến vợ, con nên tình cảm vợ chồng dần mất đi. Hiện tại, Chị H xác định không còn tình cảm với anh X nữa nên mong muốn Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn X. Xét thấy, hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn X có 01 con chung. Hiện con chung đang ở với Chị H và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến lúc trưởng thành. Nguyện vọng của Chị H phù hợp với điều kiện thực tế về việc nuôi con và phù hợp với quy định của pháp luật; vì hiện nay, con chung của vợ chồng chưa đủ 36 tháng tuổi và đang do Chị H nuôi dưỡng còn anh Phạm

Văn X đang ở nước ngoài và cố tình dấu dịa. Do đó, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của Chị H. Giao cho Chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Huy B, sinh ngày 02/11/2018 đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Phạm Văn X phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn X.

2. Về con chung: Giao cho Chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Huy B, sinh ngày 02/11/2018 đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, Chị H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000205 ngày 19/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Phạm Văn X có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Văn Quỳnh